TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35A/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14/5/2019.
Về việc: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Chánh

2. Bà Thiều Thị Phi Loan

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Quỳnh Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Bằng – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2631/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXX-ST ngày 03 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2019/QĐST-NHGĐ ngày 23/4/2019, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Vũ Thùy T** , sinh năm 1979;

Địa chỉ: A, tổ 19, khu phố 2, phường T , thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

* *Bị đơn*: Ông **Hoàng Đình Sử,** sinh năm 1975;

Địa chỉ: A, tổ 19, khu phố 2, phường T , thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T và ông S cùng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bà Vũ Thùy T trình bày:

Bà và ông Hoàng Đình S tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T , TP. Biên Hòa (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16, Quyển 1/2004 ngày 23/02/2004). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu

thuẫn. Nguyên nhân là do quá trình chung sống có những bất hòa giữa hai vợ chồng và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đến nay không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà nhận thấy cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài thêm được nữa, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông S .

Theo nội dung bản tự khai và nội dung biên bản làm việc ngày 25/4/2019 tại Tòa án, ông Hoàng Đình S trình bày:

Ông và bà T kết hôn với nhau năm 2004, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T , TP. Biên Hòa. Sau thời gian chung sống cho đến nay cả hai có mâu thuẫn không tìm được tiếng nói chung trong gia đình. Nguyên nhân do làm ăn thất bại, nên cuộc sống gia đình khó khăn, dẫn đến đôi bên chán nản nhau. Nay bà T yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa giải quyết xin ly hôn, ông đồng ý ly hôn với bà T để giải phóng tình cảm cho cả hai.

- Về con chung: Bà T và ông S xác định có 03 con chung gồm Hoàng Vũ Minh H , sinh ngày 10/9/2006; Hoàng Vũ Minh N , sinh ngày 05/5/2008 và Hoàng Gia P , sinh ngày 13/11/2016.

Do cả hai con Hoàng Vũ Minh H và Hoàng Vũ Minh N đều có nguyện vọng ở với mẹ, con Hoàng Gia P thì hiện nay còn nhỏ, nên bà Tr yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 03 con chung. Ông S cũng đồng ý theo yêu cầu của bà T , giao cả 03 người con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, bà T không yêu cầu ông S cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung:

Bà T xác định không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông S khai về tài sản chung ông không tranh chấp với và T và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung ông S xác định không có.

** Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu:*

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng. Việc tuân theo pháp luật của các bên đương sự thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Bà Vũ Thùy T và ông Hoàng Đình S tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T , TP. Biên Hòa (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16, Quyển 1/2004 ngày 23/02/2004), nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Nhận thấy, vợ chồng bà T với ông S có những mâu thuẫn, bất hòa trong và ngày càng trầm trọng, đến nay không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt

được. Nay bà T nhận thấy tình cảm không còn với ông S nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn và ông S cũng đồng ly hôn. Do vậy, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T , giải quyết cho bà T được ly hôn với ông S để trả tự do cả hai.

Về con chung: Có 03 con chung gồm Hoàng Vũ Minh H , sinh ngày 10/9/2006; Hoàng Vũ Minh , sinh ngày 05/5/2008 và Hoàng Gia P , sinh ngày 13/11/2016;

Đề nghị giao cả 03 con chung Hoàng Vũ Minh H , Hoàng Vũ Minh N và Hoàng Gia P cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí HNGĐ-ST: Bà T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Vũ Thùy T xin ly hôn với ông Hoàng Đình S , cùng địa chỉ cư trú tại: A, tổ 19, khu phố 2, phường T , thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn bà Vũ Thùy T và bị đơn ông Hoàng Đình S đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Vũ Thùy T và ông Hoàng Đình S tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T , TP. Biên Hòa (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16, Quyển 1/2004 ngày 23/02/2004). Căn cứ Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, bà T nộp đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông S là do vợ chồng chung có những mâu thuẫn, bất hòa và ngày càng trầm trọng, đến nay không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà T nhận thấy không còn tình cảm với ông S , cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài thêm được nữa, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn và yêu cầu này cũng được ông S đồng ý ly hôn. Xét đây là ý kiến tự nguyện của hai bên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã vận động, thuyết phục bà T suy nghĩ lại đối với yêu cầu ly hôn của mình, tạo cơ hội để vợ chồng có thêm thời gian tìm cách khắc phục nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, còn ông S vắng mặt và tại phiên tòa hôm nay bà T và ông S đều có đơn xin vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông S đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T , giải quyết cho bà T được ly hôn với ông S để trả tự do cả hai.

[4] Về con chung:

Có 03 con chung gồm Hoàng Vũ Minh H , sinh ngày 10/9/2006; Hoàng Vũ Minh N , sinh ngày 05/5/2008 và Hoàng Gia P , sinh ngày 13/11/2016. Qua tham khảo lời khai của hai con H và N khi Tòa án giải quyết ly hôn thì các con đều có nguyện vọng ở với mẹ, còn con Hoàng Gia P hiện nay còn nhỏ, bà T có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cả 03 con chung và ông Sử cũng đồng ý để bà T trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung. Do vậy, chấp nhận giao cả 03 con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, bà T không yêu cầu, nên tạm thời ông S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông S không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Bà T trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật quy định.

[5] Về tài sản chung: Bà T khai không có, còn ông S khai bản thân ông không tranh chấp về tài sản chung và cả hai người đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung.

[6.] Về nợ chung: Bà T và ông S xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà Vũ Thùy T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 266, 271, 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố

tụng dân sự năm 2015; Điều Điều 131; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu "Ly hôn" của bà Vũ Thùy T .

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thùy T được ly hôn với ông Hoàng Đình S .

2. Về con chung: Có 03 con chung gồm Hoàng Vũ Minh H , sinh ngày 10/9/2006; Hoàng Vũ Minh N , sinh ngày 05/5/2008 và Hoàng Gia P , sinh ngày 13/11/2016;

Giao cả 03 con chung Hoàng Vũ Minh H , Hoàng Vũ Minh N và Hoàng Gia P cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông S không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Bà T trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Bà Vũ Thùy T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, theo biên lai thu số 009866 ngày 06/12/2018.

5. Bà Vũ Thùy T và ông Hoàng Đình S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Văn Hùng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND TP Biên Hòa (1);
- THADS TP Biên Hòa (1);
- UBND P. T , TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (1);
- Đương sự (2);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).